

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC (ACFTA) VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC ASEAN - TRUNG QUỐC

NGUYỄN XUÂN THẮNG*

BÙI TRƯỜNG GIANG**

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA ACFTA VÀ CÁC KHUYNH HƯỚNG HỢP TÁC MỚI Ở ĐÔNG Á

1.1. ACFTA là bước phát triển sinh động của xu hướng tự do hoá song phương và liên kết khu vực trên quy mô toàn cầu trong bối cảnh hệ thống kinh tế và thương mại thế giới dựa trên các định chế đa phương đang tỏ ra kém thích ứng và bế tắc trong việc xử lý các vấn đề mới phát sinh của làn sóng toàn cầu hoá hiện nay. Một nền kinh tế toàn cầu hoá hiện nay đang rất cần có những thể chế toàn cầu đủ hiệu lực để quản lý quá trình này (Lester Thurow, 2000). Bởi lẽ, các định chế tài chính quốc tế (IMF, WB v.v.) tỏ ra thiếu năng lực dự báo phòng ngừa và chữa trị các cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng có quy mô toàn cầu, trong khi các định chế thương mại toàn cầu như WTO thì cũng thiếu năng lực quản lý các vấn đề thương mại mới ("trade and" issues) đồng thời đang bế tắc trong Vòng đàm phán mới - Vòng Đôha (DDA), cho dù hiệp định khung Gionevơ mới nối lại Vòng đàm phán này. Trong bối cảnh bế tắc của chủ nghĩa đa phương, xu hướng

hình thành các FTA khu vực, tiểu khu vực và song phương đã và đang trở thành một biểu hiện mới, rầm rộ, rộng khắp và nổi bật trong nền kinh tế thế giới, đặc biệt tại khu vực Đông Á.

1.2. Trong quan hệ quốc tế hiện đại, tương quan giữa các nước lớn đang chứng kiến sự nổi trội của hai nhân tố: Thứ nhất là vị trí "tối siêu cường" của Mỹ trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Thứ hai là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc với triển vọng trở thành cường quốc kinh tế thứ hai thế giới trong vòng một hai thập kỷ tới. Vấn đề đáng lưu ý nhất là cả hai động lực này của nền kinh tế thế giới đang điều chỉnh chính sách đối ngoại và tham gia tích cực vào xu hướng hình thành các FTA khu vực và song phương nhằm tạo ra những đối trọng mới với Liên minh châu Âu (EU) - một mẫu hình liên kết điển hình đang ngày càng mở rộng và gặt hái được những thành công quan trọng trong hội nhập kinh tế khu vực.

*PGS.TS. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

**NCS. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

1.3. Tại châu Á, tương quan sức mạnh giữa các nước lớn đang thay đổi trước sự trỗi dậy của hai nền kinh tế có dân số khổng lồ là Trung Quốc và Ấn Độ⁽¹⁾. Riêng trong khu vực Đông Á, cân bằng sức mạnh giữa Nhật Bản và Trung Quốc đang dịch chuyển theo hướng Trung Quốc ngày càng trở nên nổi bật hơn so với vai trò của Nhật Bản. Thực tế này đều buộc các cường quốc trong khu vực có những điều chỉnh chính sách thích hợp. Cụ thể là, cả ba cường quốc châu Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ đều hướng tới hình thành FTA song phương với ASEAN báo hiệu một *cuộc cạnh tranh địa-chiến lược và địa-kinh tế* hướng vào ASEAN (Vatikiotis & Wah 2003). Sau động thái "vượt trước" của Trung Quốc⁽²⁾ với mục tiêu ra đời Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) vào năm 2010, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ cũng đã đề xuất và đang xúc tiến đàm phán để hình thành các hiệp định khung về FTA song phương với khối ASEAN⁽³⁾. Cùng với "hiệu ứng" này, siêu cường quốc ngoài khu vực là Mỹ cũng đưa ra Sáng kiến "vì một ASEAN năng động" (EAI) làm nền tảng, theo đó hướng tới sự ra đời của một mạng lưới các FTA song phương với một số thành viên ASEAN chứ không phải với toàn khối ASEAN như một thực thể.

1.4. Với riêng Đông Á, sau khủng hoảng 1997, *chủ nghĩa khu vực ở Đông Á đã hồi sinh mạnh mẽ* vì các thành viên chủ chốt của Đông Bắc Á như Nhật Bản và Hàn Quốc đã nhận thấy sự thua thiệt khi *chỉ* theo đuổi các nỗ lực đa phương trong khi các "con hổ" Đông Nam Á thì nhận ra rằng các định chế đa phương còn gặp nhiều khó khăn và hơn ai hết,

Mỹ - đồng minh quan trọng nhất - đã chuyển trọng tâm từ lập trường ủng hộ chủ nghĩa đa phương sang lập trường ủng hộ chủ nghĩa song phương và khu vực. Theo đó, cùng với sự nổi lên mạnh mẽ của Trung Quốc, có thể thấy xu thế tăng cường liên kết kinh tế Đông Á là tất yếu. Hiện đã xuất hiện nhiều ý tưởng về sự ra đời của một khu vực thương mại tự do toàn Đông Á (EAFTA). Vấn đề trực lực hướng tâm của EAFTA sẽ thuộc về Trung Quốc, Nhật Bản hay ASEAN thì đang còn là điều phải tranh cãi.

1.5. ASEAN là khu vực có tầm quan trọng đặc biệt về địa chiến lược và địa-kinh tế: Khu vực này nắm giữ nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào như dầu mỏ, khí ga, khoáng sản và thủy sản. Đây là khu vực huyết mạch của các tuyến vận tải đường biển quốc tế⁽⁴⁾, đặc biệt quan trọng với Nhật Bản, Hàn Quốc và một số quốc gia phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Hơn nữa, ASEAN có vai trò quan trọng trong cân bằng quyền lực tại châu Á do chỗ ASEAN là một kênh đối thoại và xây dựng lòng tin quan trọng để "đảm bảo" rằng quan hệ đồng minh Mỹ-Nhật Bản, quan hệ đối tác Mỹ - Trung Quốc, quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản .v.v. đều xuất phát từ lập trường duy trì lợi ích của toàn khu vực chứ không nhằm mục đích chống lại các bên thứ ba. ASEAN đã từng là trung tâm của cuộc đua hai cực thời chiến tranh lạnh và ngày nay, cùng với sự nổi lên của Trung Quốc, ASEAN đang là tâm điểm cân bằng tam giác chiến lược Trung Quốc-Mỹ-Nhật Bản. Do đó, để nâng cao khả năng cạnh tranh và thúc đẩy tiến trình hội nhập sâu hơn của ASEAN, ASEAN rất cần phát triển các

quan hệ với các đối tác lớn bên ngoài làm điều kiện cho việc thực hiện các mục tiêu về xây dựng cộng đồng kinh tế.

1.6. Trung Quốc từ vai trò của một nước lớn, sau khi gia nhập WTO và ký kết Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với ASEAN nhằm hướng tới hình thành ACFTA với trọng tâm là để phát triển kinh tế, sẽ gia tăng vai trò, ảnh hưởng trong khu vực và tiến tới đóng vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế và thương mại toàn cầu.

Quan hệ Trung Quốc - ASEAN có nhiều cải thiện trong thập kỷ qua. Quan hệ thương mại được tăng cường gần đây trong bối cảnh cả ba đầu tàu kinh tế thế giới đều giảm nhịp tăng trưởng. Sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực năm 1997, ASEAN càng đánh giá cao vai trò của Trung Quốc (thể hiện các động thái "phối hợp" của Trung Quốc trước các yêu cầu phục hồi kinh tế sau khủng hoảng của ASEAN) đối với triển vọng hợp tác và phát triển của mình. Đây là sự phát triển tự nhiên để thích ứng với làn sóng toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực.

Với quá trình liên kết kinh tế ASEAN, ACFTA là bước mở rộng AFTA. Việc mở rộng không gian của AFTA là cần thiết và hợp xu thế vì trong bối cảnh các nhóm nước và khu vực khác tích cực tìm kiếm các cơ hội hình thành FTA song phương và tăng cường liên kết khu vực, quy mô và tầm ảnh hưởng của AFTA đã và đang trở nên nhỏ bé và không mang lại một hình ảnh tích cực hơn cho ASEAN trong quan hệ với các đối tác bên ngoài⁽⁶⁾.

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ACFTA ĐỐI VỚI QUAN HỆ HỢP TÁC ASEAN - TRUNG QUỐC

1. Đặc điểm chính

• *Khuôn khổ chung*

ACFTA sẽ là một khu vực thương mại tự do với tổng dân số là 1,7 tỷ người, tổng GDP là 3000 tỷ USD và tổng kim ngạch thương mại là 1500 tỷ USD (Long Yongtu, 2002). Đây sẽ là một khu vực mậu dịch tự do quan trọng trên thế giới sau EU và NAFTA.

• *Mục tiêu:* ACFTA về thực chất là sự mở rộng khuôn khổ cam kết của AFTA với sự tham gia của Trung Quốc. Do đó, ACFTA hướng tới các mục tiêu:

- Tăng cường chu chuyển thương mại giữa hai thị trường Trung Quốc và ASEAN, hình thành những tiêu chí về một thị trường chung ASEAN - Trung Quốc.

- Làm cho cả ASEAN và Trung Quốc hấp dẫn đầu tư với nhau và với bên thứ ba.

- Gia tăng vai trò và ảnh hưởng của nhau, như một sự bổ sung quan trọng cho sự điều chỉnh của WTO đối với cả hai bên.

- Làm cho nền kinh tế Trung Quốc và ASEAN thích ứng với mọi thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực.

• *Nội dung chính*

- Cùng giảm thuế như cách thức của CEPT trong khuôn khổ AFTA và theo tỷ lệ thuế quan tối huệ quốc trong khuôn khổ WTO cho cả hai bên từ ngày 1-7-2003, với thời hạn để đạt thuế suất bằng 0% vào năm 2010 cho ASEAN-6 và Trung Quốc và 2015 cho CLMV⁽⁶⁾ (Bảng 1).

- Thúc đẩy tự do hoá dịch vụ, được đàm phán trên hai vấn đề: Mở rộng phạm vi tự do hoá theo GATS và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ (trên 7 lĩnh vực chính mà ASEAN đang thực hiện).

- Thoả thuận hiệp định khung về đầu tư để đàm phán tự do hoá và thuận lợi hoá đầu tư, nâng cao tính minh bạch của các nguyên tắc, quy định đầu tư và các biện pháp bảo hộ đầu tư.

- Chương trình Thu hoạch Sớm (EHP): Hai bên đề xuất việc cắt giảm thuế quan nhanh đối với một số mặt hàng và lĩnh vực ưu tiên: a) Cắt giảm thuế quan đối với các mặt hàng nông sản từ Chương 1 đến Chương 8 của Biểu thuế quan HS. Nếu loại trừ mặt hàng nào ra khỏi EHP thì sẽ không được hưởng ưu đãi của các nước thành viên

khác về mặt hàng đó; b) Từng nước có thể thoả thuận song phương với Trung Quốc về cắt giảm thuế quan nhanh một số mặt hàng cụ thể nằm ngoài danh mục từ Chương 1 tới Chương 8; c) ASEAN-6 và Trung Quốc sẽ tiến hành đàm phán cắt giảm thuế quan xuống 0% trong giai đoạn từ ngày 1-1-2004 đến ngày 1-1-2006, trong khi các nước thành viên ASEAN mới sẽ được hưởng đối xử đặc biệt và ưu đãi với lịch trình cắt giảm thuế quan dài hơn⁽⁷⁾.

- Hiệp định còn quy định các lĩnh vực và biện pháp hợp tác kinh tế khác, nhất là các kế hoạch triển khai cụ thể: Hợp tác công nghiệp, công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy sáng kiến hợp tác Tiểu vùng Mê Công. Cả hai bên nhất trí dành ưu đãi cho các thành viên ASEAN mới.

Bảng 1: LỊCH TRÌNH CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA ACFTA

Năm	Tỷ lệ thuế quan	Danh mục thuế quan	Các nước tham gia
1-7-2003	Tỷ lệ thuế quan tối huệ quốc WTO	Toàn bộ	Trung Quốc và 10 nước ASEAN
1-10-2003	Thuế quan hàng rau quả của Trung Quốc và Thái Lan giảm xuống 0%	Toàn bộ hàng rau quả của Trung Quốc và Thái Lan	Trung Quốc, Thái Lan
2004	Thuế quan hàng nông sản bắt đầu giảm	Hàng nông sản	Trung Quốc và 10 nước ASEAN
1-2005	Bắt đầu giảm bớt thuế quan đối với tất cả thành viên	Toàn bộ	Trung Quốc và 10 nước ASEAN
2006	Thuế quan hàng nông sản là 0%	Hàng nông sản	Trung Quốc và 10 nước ASEAN
2010	Thuế quan giảm xuống 0%	Sản phẩm trừ sản phẩm có tính nhạy cảm	Trung Quốc và 6 nước ASEAN cũ
2015	Thuế quan giảm xuống 0%	Sản phẩm trừ sản phẩm có tính nhạy cảm	Bốn thành viên mới ASEAN (CLMV)

Nguồn tài liệu: Trang web của Ban Thư ký ASEAN, 2003.

3. Tác động chính của ACFTA đối với từng bên

• Tác động chung

Với những nội dung trên, có thể thấy ACFTA sẽ mang lại nhiều cơ hội tích cực cho cả Trung Quốc lẫn ASEAN để thực hiện các mục tiêu phát triển của mình, nhất là nhằm thích ứng hơn với tiến trình tự do hoá thương mại đang diễn ra cùng lúc trên nhiều cấp độ trong khu vực và trên toàn cầu. *Một là*, Trung Quốc và ASEAN trao đổi nhiều mặt hàng cả giống và khác nhau như là một sự bổ sung quan trọng để mang lại lợi ích thực sự cho cả hai bên, bởi đây là các nền kinh tế có độ mở thị trường cao, đều phụ thuộc nhiều vào thị trường buôn bán và trao đổi kinh tế với

bên ngoài để phát triển trong nước. Hơn nữa, là các nước láng giềng cận kề địa lý nên chi phí giao dịch thấp, hiểu biết nhau theo đó thâm nhập thị trường nhanh và hiệu quả cao. *Hai là*, ACFTA không chỉ nhằm mục đích thương mại mà còn về đầu tư. Một nền kinh tế dựa vào FDI để tăng trưởng như Trung Quốc rất cần có thị trường khu vực rộng mở để hấp dẫn hơn với các nhà đầu tư bên ngoài và ASEAN cũng rất cần một nền kinh tế lớn của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO để tiếp nhận "hiệu ứng" tích cực của làn sóng chuyển dịch mạnh đầu tư vào Trung Quốc. *Ba là*, ACFTA sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các nước thành viên (Bảng 2):

Bảng 2: TÁC ĐỘNG CỦA ACFTA TỚI GDP THỰC CỦA ASEAN VÀ TRUNG QUỐC

Nước	GDP thực (triệu USD)	Lượng tăng tuyệt đối (triệu USD)	Mức tăng tương đối (% GDP mỗi nước)
Indônêxia	204.031,4	2.267,8	1,12
Malaixia	98.032,3	1.133,5	1,17
Philippin	71.167,1	229,1	0,32
Thái Lan	165.516,0	673,6	0,41
Việt Nam	16.110,9	339,1	2,15
Xingapo	72.734,9	753,3	1,05
Trung Quốc	815.163,0	2.214,9	0,27

Nguồn: Nhóm chuyên gia ASEAN-Trung Quốc (2001).

Tuy nhiên, đều là những nước đang phát triển nhưng vì tiền lương ở Trung Quốc thấp hơn nên khả năng cạnh tranh của ASEAN bất lợi hơn so với Trung Quốc và ASEAN có biểu hiện lo ngại mất thị trường ngoài nước. Mối lo ngại này

xuất phát từ các khía cạnh: (1) Trung Quốc giảm thuế nhập khẩu cũng có nghĩa là tăng cường năng lực cạnh tranh xuất khẩu trong tương lai; (2) Trung Quốc và ASEAN hầu như đều xuất khẩu các mặt hàng giống nhau; (3) Hàng hoá

Trung Quốc và ASEAN đều cạnh tranh bình đẳng trên thị trường trong cùng một điều kiện mà không hạn chế và ưu đãi riêng biệt như trước; và (4) Giá thành nhân công của Trung Quốc thấp hơn, chủ yếu so với ASEAN-6. Theo đó, thách thức về lòng tin hiện vẫn là vấn đề nổi cộm trong quan hệ giữa hai bên.

• *Đối với ASEAN:*

Dù có những mối lo ngại như vậy, song ASEAN vẫn ưu tiên ký kết FTA với Trung Quốc như một sự "vượt trước" so với các đối thủ lớn khác bởi đây ngoài lợi ích kinh tế đơn thuần, còn là một sự *hợp tác chính trị* hướng tới mục tiêu tạo ra một khu vực hoà bình, hợp tác và cùng phát triển bền vững giữa các nước láng giềng. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang đứng trước những nguy cơ biến đổi khó lường, đây có thể coi là một sự đảm bảo chính trị vì lợi ích phát triển của cả hai bên. Cụ thể, tác động của ACFTA với ASEAN có thể thấy:

- ACFTA thể hiện quyết tâm chính trị của ASEAN trong việc mở rộng hợp tác và hội nhập kinh tế khu vực, tìm ra những phương thức và cơ chế hợp tác mới để củng cố quá trình hội nhập ASEAN sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997.

- ACFTA giảm bớt sự phụ thuộc của ASEAN vào thị trường bên ngoài khi Trung Quốc trở thành một phần của ACFTA. ACFTA tạo thuận lợi để thâm nhập thị trường hơn 1,2 tỷ người tiêu dùng Trung Quốc, mang đến cơ hội mở rộng thị trường ngoại thương và thu hút đầu tư cho ASEAN sau khi Trung Quốc trở thành thành viên WTO.

- ACFTA tạo môi trường hoà bình, hợp tác để khơi dậy tiềm năng phát triển toàn diện tất cả các lĩnh vực thương mại, đầu tư, du lịch.

- ACFTA là điều kiện để hướng tới EAFTA, vừa giúp ASEAN cân bằng được quan hệ với Trung Quốc và Nhật Bản, vừa có "cơ hội" thoát khỏi sự phụ thuộc vào Mỹ trong khi vẫn thu hút được Mỹ "quan tâm" tới lợi ích của ASEAN.

Quá trình hình thành ACFTA rõ ràng tạo động lực mới cho tiến trình liên kết ASEAN sâu rộng hơn. Những cam kết về một ACFTA vào năm 2010 đã góp phần thúc đẩy các thành viên ASEAN hướng tới hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Với AEC, các thành viên ASEAN có thể tạo ra một thực thể sản xuất duy nhất với sự di chuyển tự do về hàng hoá, dịch vụ, lao động có kỹ năng và di chuyển tự do hơn về vốn. Theo đó, mức thuế quan sẽ là 0% vào năm 2010 đối với ASEAN-6 và năm 2015 đối với CLMV⁽⁸⁾.

Xét về cơ chế hợp tác và hội nhập ASEAN, những thông lệ và tiền lệ trong thoả thuận về ACFTA như Chương trình Thu hoạch Sớm (EHP) mang nhiều hàm ý cho bước phát triển mới của cơ chế hợp tác trong ASEAN. Có quan điểm cho rằng *cơ chế EHP* mà ASEAN đang sử dụng trong quan hệ với Trung Quốc và mới đây với Ấn Độ sẽ tạo tiền đề thúc đẩy phương thức giải quyết tay đôi giữa các quốc gia bên ngoài với từng thành viên ASEAN và như vậy có nguy cơ phá vỡ khối cố kết ASEAN, cản trở tiến trình liên kết nội khối. Tuy nhiên, quan điểm tiếp cận khác cho rằng từ thông lệ EHP, ý tưởng về một *cơ chế 2+X⁽⁹⁾* có thể là

bước phát triển mới, hợp xu thế của cơ chế hợp tác ASEAN? Những nguyên tắc căn bản như "đồng thuận" và "không can thiệp" của ASEAN trong bối cảnh quốc tế và khu vực mới cần được hỗ trợ của cơ chế 10-X, và có thể của nguyên tắc "đa số" và cơ chế 2+X đang được đề xuất. Đây là vấn đề lớn, mang tính chiến lược, gây nhiều tranh cãi có tác động đến tiến trình liên kết khu vực ASEAN cũng như toàn Đông Á, do đó cần thêm thời gian để nghiên cứu nghiêm túc và kiểm nghiệm trong thực tiễn.

• *Đối với Trung Quốc:*

- ACFTA là biểu hiện mới và sắc thái mới trong các động thái chính sách kinh tế và chính trị quốc tế của Trung Quốc. Từ vai trò của một nền kinh tế đang phát triển năng động, Trung Quốc đã và đang gia tăng vai trò của mình trong hệ thống kinh tế quốc tế. Đây là bước tất yếu sau khi Trung Quốc gia nhập WTO và khi các xu hướng FTA song phương/ tiểu khu vực/ khu vực đã trở thành một nhân tố nổi trội. Ngoài các lợi ích về thị trường nhìn từ cách tiếp cận nền kinh tế Trung Quốc như là "công xưởng thế giới" và tạo dựng hình ảnh tích cực của Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế, Trung Quốc coi đây là bước đầu tiên thể hiện vai trò thực sự của mình trong một định chế khu vực.

- Do đó, Trung Quốc càng coi trọng ACFTA vì: (1) Yêu cầu bên trong là duy trì đà tăng trưởng cao và ổn định đất nước; (2) Tăng thế mặc cả với các nhóm nước khác và trên các diễn đàn đa phương quốc tế và khu vực; (3) Để cân bằng ảnh hưởng trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc cần một môi trường khu vực

hoà bình, ổn định và giảm thiểu vai trò của Mỹ trong khu vực; (4) Khẳng định vai trò chủ đạo của Trung Quốc trong hợp tác kinh tế khu vực và hướng tới vai trò một cường quốc lãnh đạo khu vực.

- ACFTA phục vụ mục tiêu phát triển miền Tây của Trung Quốc (Daojiong Zha, 2002), đặc biệt sẽ tăng cường mậu dịch biên giới của các tỉnh Tây Nam Trung Quốc là Vân Nam, Quảng Tây với Việt Nam, Mianma và Lào. Hiện với chương trình phát triển hai hành lang kinh tế (Côn Minh-Lào Cai- Hà Nội-Hải Phòng và Nam Ninh-Lạng Sơn-Hà Nội-Hải phòng) cùng với vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, các tỉnh giáp biên của Trung Quốc với các nước Đông Dương có thể sẽ trở thành các "cầu nối để thúc đẩy ACFTA".

- Xét về khía cạnh địa chiến lược và địa kinh tế, ACFTA không chỉ đơn thuần là vấn đề tự do hoá thương mại ASEAN-Trung Quốc. Theo quan điểm của GS. Wing Thye Woo, Đại học Tổng hợp California vùng Davis, ACFTA sẽ đảm bảo cho Trung Quốc cơ sở cung cấp nguyên nhiên liệu chiến lược cho đầu vào sản xuất của nền kinh tế Trung Quốc trong tương lai, nghĩa là một sự đảm bảo về an ninh kinh tế⁽¹⁰⁾. ACFTA sẽ không chỉ cho phép Trung Quốc có quyền mua bán hàng hoá, dịch vụ tự do mà sâu xa hơn có thể đầu tư dễ dàng vào những ngành khai khoáng trong khu vực Đông Nam Á, nghĩa là *ACFTA trở thành nguồn cung nguyên liệu chiến lược và là nơi đa dạng hoá rủi ro trong nguồn thu nhập quốc dân của Trung Quốc*. Ví dụ về mặt hàng dầu mỏ, một khi Trung Quốc đầu tư khai thác dầu mỏ, bên cạnh

việc đảm bảo nguồn cung, Trung Quốc sẽ thu lợi từ tình hình giá dầu mỏ cao, khoản lợi nhuận này sẽ bù đắp cho sự giảm sút lợi nhuận của nền công nghiệp trong nước khi phải trả giá dầu mỏ nhập khẩu cao hơn.

• *Đối với quan hệ hợp tác ASEAN-Trung Quốc:*

- Cả Trung Quốc và ASEAN đều phụ thuộc vào các thị trường thứ ba - Mỹ, EU, Nhật Bản - và sản xuất cũng như xuất khẩu các sản phẩm giống nhau. ACFTA sẽ tạo ra dung lượng thị trường đủ lớn để tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai bên đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc bấy lâu vào thị trường thứ ba.

- Ba vấn đề chính khiến ASEAN chú trọng hiện thực hoá ACFTA: (1) Tầm ảnh hưởng ngày càng mạnh của Trung Quốc; (2) Sức cạnh tranh của Trung Quốc tại các thị trường nội địa của ASEAN, đặc biệt sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, và (3) Những tác động đối với các thành viên ASEAN mới (Ba, 2003).

- Đối với Trung Quốc, đây là lần đầu tiên Trung Quốc cam kết thiết lập khu vực thương mại tự do với các nước. Nó tạo ra một *dấu mốc lịch sử* quan trọng trong quan hệ kinh tế - chính trị Trung Quốc - ASEAN và là bước đi thiết thực cho quá trình xây dựng lòng tin của Trung Quốc đối với các quốc gia ASEAN.

II. TRIỂN VỌNG HỢP TÁC ASEAN-TRUNG QUỐC VÀ HÀM Ý VỚI KHU VỰC ĐÔNG Á

Những biến chuyển nhanh chóng của các cường quốc trong liên kết kinh tế sâu

hơn với khu vực ASEAN đã chứng tỏ *sức sống mới của khối ASEAN*, đặc biệt trong bối cảnh khối ASEAN bị mất sự tín nhiệm sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997 và trở nên bất ổn với một loạt các vụ tấn công gần đây của các nhóm khủng bố tại Indônêxia, Philippin và Thái Lan. Trong tình hình mới như vậy, ACFTA giúp thu hút sự quan tâm và lợi ích của bên thứ ba đối với ASEAN. Việc triển khai ACFTA diễn ra đồng tuyến, đồng mục tiêu với tiến trình thực hiện AEC, một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN (AC) và nhờ vậy, sẽ hỗ trợ cho nhau trong điều chỉnh lộ trình thực hiện. Cũng vì vậy, sức ép của khả năng đẩy mạnh ASEAN+3 (gồm cả với Hàn Quốc, Nhật Bản) sẽ bắt buộc ACFTA phải triển khai nhanh hơn. Nếu không, cả ASEAN và Trung Quốc có thể bị giảm vai trò trong tiến trình hợp tác Đông Á. Thực vậy, thoả thuận hình thành ACFTA vào năm 2010 với những cam kết cụ thể đã minh chứng rõ ràng *Trung Quốc đang dẫn đầu* cuộc đua xác lập vị thế mới tại một Đông Á đang ngày càng năng động và hội nhập.

ACFTA là bước phát triển trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN nhằm thích ứng với những tiến triển mới trong nền kinh tế và chính trị thế giới. ACFTA sẽ tiến triển đúng hướng vì nó phù hợp với ưu tiên phát triển kinh tế là trọng tâm của Trung Quốc và hoàn toàn đi theo hướng chính sách "cân bằng quyền lực" của khối ASEAN với các cường quốc và "can dự mang tính xây dựng" với Trung Quốc.

Dưới "hiệu ứng domino" của quá trình hình thành ACFTA, các sáng kiến FTA

song phương giữa Nhật Bản và Hàn Quốc với ASEAN (AJFTA và AKFTA) chắc chắn sẽ được thúc đẩy nhanh. Hơn nữa, khả năng hình thành một EAFTA với bước khởi đầu là ACFTA cũng đã được đề cập nhiều. ACFTA sẽ là nền tảng cho EAFTA với sự tham gia tiếp theo của Nhật Bản và Hàn Quốc. Về trung hạn, một khi EAFTA được hình thành, đây sẽ là nền tảng ra đời một Cộng đồng Kinh tế Đông Á (EAEC). Như vậy có thể nhận định rằng ACFTA là bước đi đầu tiên và hợp logic hướng tới một Cộng đồng Kinh tế Đông Á và mối quan hệ hợp tác ASEAN-Trung Quốc chắc chắn sẽ phát triển tốt đẹp, hiệu quả có thể trở thành tiền đề cho một Cộng đồng Đông Á (EAC) trong tương lai.

ASEAN cần tăng cường hợp tác toàn diện và liên kết kinh tế nội khối trước hết là thực hiện AEC và đồng thời phải thực hiện tốt các sáng kiến FTA song phương với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và một số đối tác tiềm năng khác bởi tất cả các tiến trình này đều là những phương cách giúp ASEAN tăng cường vị thế chính trị, sức mạnh kinh tế và khả năng cân bằng trong quan hệ với các nước lớn và các nước phát triển.

CHÚ THÍCH:

1. Tổng dân số của Trung Quốc và Ấn Độ là khoảng 2,4 tỷ người, chiếm hơn 1/3 dân số thế giới.

2. Tại Hội nghị Thượng đỉnh với các nhà lãnh đạo ASEAN năm 2000, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đề xuất một Hiệp định khung thành lập Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc vào năm 2010, và hai bên đã thông qua Hiệp định khung về

Hợp tác kinh tế Toàn diện (FACEC) tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN-Trung Quốc tại Phnôm Pênh, Campuchia ngày 4 tháng 11 năm 2001.

3. Kết quả của cuộc Họp Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 36 (AEM-36) tại Indônêxia đầu tháng 9/2004 vừa qua cho thấy lộ trình FTA song phương của ASEAN với từng nước đối tác liên quan là (1) Hình thành FTA với Trung Quốc vào năm 2010, (2) với Nhật Bản vào 2011 và (3) với Ấn Độ vào năm 2012, đồng thời xúc tiến sớm hình thành FTA song phương với Úc, Niu-di-lân và Hàn Quốc.

4. Khoảng 25% lượng vận tải biển và 50% lượng vận tải thương mại bằng đường biển được vận chuyển qua các tuyến hàng hải thông qua khu vực Biển Đông và các eo biển như Malacca, Sunda, Lombok (Noer, 1996).

5. Quy mô thương mại của AFTA không thể so với EU, NAFTA, thậm chí cả quy mô tổng dân số, tổng GDP thành viên và tổng kim ngạch ngoại thương đều chỉ xấp xỉ một nửa các chỉ số tương ứng của Trung Quốc.

6. Hiện Việt Nam đang tiến hành đàm phán trực tiếp với Trung Quốc về lộ trình này.

7. Cụ thể là năm 2008 với Việt Nam, năm 2009 với Lào và Mianma và năm 2010 với Campuchia.

8. Theo thoả thuận mới đây của các thành viên ASEAN, tiến trình xây dựng AFTA sẽ tiếp tục được đẩy sớm thêm ba năm, nghĩa là ASEAN-6 hoàn thành các nghĩa vụ vào năm 2007 và CLMV là năm 2012 thay vì thời hạn 2010 (ASEAN-6) và 2015 (CLMV) như trước.

9. Xingapo và Thái Lan đã đề xuất nguyên tắc này trong Hội nghị cấp cao Bali IX, tháng 10/2003.

10. Theo bài thuyết trình của GS. Wing Thye Woo tại Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS) ngày 27/09/2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ASEAN Secretariat (2002): "Framework Agreement on Comprehensive Economic Cooperation between the Association of Southeast Asian Nations and the People's Republic of China", November 4th 2002, Jakarta.
2. ASEAN Secretariat (2003): "Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Cooperation between the Association of Southeast Asian Nations and the People's Republic of China", October 2003.
3. Ba, Alice D. (2003): "China and ASEAN: Renavigating Relations for A 21st-century Asia", Asian Survey, vol.43, no.4, pp. 622–647.
4. Daojiong Zha (2002): "The Politics of China-ASEAN Economic Relations: Assessing the Move Towards a Free Trade Area", Asian Perspective, Vol.26, No.4, 2002, pp.53-82.
5. HLFT (2003): Báo cáo của Nhóm chuyên gia cao cấp (HLTF) từ tháng 3 đến tháng 8/2003.
6. Ji, Yong (2003): "China's Strategic Ambitions in East Asia", Paper prepared for IRAPRU (UQ)-ASPI workshop 'Northeast Asian Security: Policy Challenges for Australia' Customs House, Brisbane, 17-18 October 2003.
7. Joint China-ASEAN Expert Group on Economic Cooperation (2001): "Forging Closer ASEAN-China Economic Relations in the Twenty-first Century", report presented to the ASEAN-China Senior Official Meeting, November 3rd 2001. The full text is online at www.aseansec.org/newdata/asean_chi.pdf.
8. Mc. Kinsey & Company (2003): Báo cáo nghiên cứu Sức cạnh tranh của ASEAN (ASEAN Competitiveness Study Report).
9. Noer, John H. (1996). "Southeast Asian Chokepoints: Keeping Sea Lines of Communication Open.", trong T/C Strategic Forum, Số 98, tháng 12/1996.
10. Sussangkarn, Chalongsob (2004): "The Emergence of China and ASEAN Revitalization", Thailand Development Research Institute; presented at the ABCDE-Europe, Brussels, Belgium, May 10, 2004. Updated from a paper for the AT-10 project on "The Emergence of China and the Evolution of Regional Economic Integration in East Asia", supported by the Tokyo Club Foundation for Global Studies.
11. Thurow, Lester (2000): "Creating Wealth", Nicholas Brealey Publishing, UK.
12. Trung Tâm KHXH và NVQG - Bộ Thương mại (VASS-MOT, 2003): Đề án nghiên cứu về Cộng Đồng Kinh Tế ASEAN (AEC), giai đoạn 1, Hà Nội.
13. Umbach, Frank (2000): "ASEAN and Major Powers: Japan and China – A Changing Balance of Power?", research project 'Perspectives of Regional Security Cooperation in Asia-Pacific', sponsored by the Volkswagen Foundation.
14. Vatikiotis, Michael & Wah, Chin Kin (2003): "The Geopolitical Situation in East Asia and Southeast Asia after the Iraq War", Trends in Southeast Asia Series: 10(2003), ISEAS, Singapore.
15. Voon, Jan P. (1998): "Export Competitiveness of China and ASEAN in the U.S. Market", ASEAN Economic Bulletin, Vol.14, No.3, (March), pp.273-91.
16. Yongtu, Long (2002): Bài phát biểu của Thứ trưởng Ngoại thương Trung Quốc Long Vĩnh Đồ tại Hội nghị Thương mại Tự do Trung Quốc-ASEAN tại Bắc Kinh, ngày 15/5/2002, do Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc (CCTV) phát sóng (Speech by Chinese Deputy Foreign Trade Minister Long Yongtu to 2002 China-ASEAN Free Trade Conference, Beijing, May 15th 2002, reported by the CCTV).